TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Ngọc Thành

2.Bà Trần Việt Hồng Phượng

- *Thư ký Phên tòa*: Ông Đỗ Hữu Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia Phên toà: Bà Trần Thị Mỹ Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn Phên tòa số:09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1992(có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 42, ấp Phú H 1, xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1988(vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp Bình A 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 14/11/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T kết hôn vào năm 2011, hôn nhân tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ngày 30 tháng 9 năm 2011. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cha mẹ hai bên có hàn gắn nhiều lần

nhưng bà và ông T sống vẫn không hạnh phúc. Sau khi bà sinh cháu Tuyết Ph được khoảng 03 tháng thì bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết Ph sinh ngày 10/10/2012, do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡngnuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét

Bị đơn ông Lê Thanh T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S

Tại Phên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không tham gia Phên tòa.

-Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật:trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

*1.1 Về quan hệ tranh chấp:*Bà Nguyễn Thị Kim S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Biên bản xác minh về nơi cư trú của đương sự tại Công an xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang ngày 24 tháng 12 năm 2018, thể hiện bị đơn ông Lê Thanh T có nơi cư trú tại ấp Bình A 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang và hiện không mặt tại địa phương, nhưng vẫn đi đi về về .Theo quy định tạiđiểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:*Tòa ánđã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Ông T không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 72, 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối vớibị đơn

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim S và ông Lê Thanh T kết hôn vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Bình H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang ngày 30/9/2011.Hôn nhân giữa ông bà xác lập vào năm 2011 chịu sự điều chỉnh Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000; Đồng thời cũng phù hợp vớiquy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân Gia đình 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông Tlà hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hànhthông báo Phên họp kiểm tra việc giaonộp,tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;Thông báo đối chất để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S với ông T, mục đích tạo điều kiện ông bà được đoàn tụ. Tuy nhiên, bà S vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông Tkhông tham gia Phên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngoài ra, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 65/2018 ngày 24/12/2018 đối với ông T; Tuy nhiên, ông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Điều này, đã thể hiện ông T không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình.

Bà S yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T,vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông T không quan tâm chăm sóc vợ con. Thể hiện qua hành động của ông T đã bỏ nhà đi, trong khi bà vừa sinh cháu Tuyết Ph được khoảng 02 tháng. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng Tòa án có văn bản về việc tham khảo ý kiến UBND cấp xã nơi vợ chồng chung sống, nơi con chưa thành niên cư trú ngày 24/12/2018; Ngày 20/01/2019 Tòa án nhận được văn bản phúc đáp xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà S, ông T địa phương không nắm rõ; Về con chung có 01 con chung và bà S chăm sóc con tốt hơn. Giữa bà S và ông Tđã ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không thể hàn gắn tình cảm,vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Như vậy cả bà S và ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ củavợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Bà S và ông T có 01(một) con chung tên Nguyễn Ngọc Tuyết Ph sinh ngày 10/10/2012, do bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ông T không có ý kiến tranh chấp về quyền nuôi con chung. Do đó, yêu cầu của bà S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đồng thời,bà S phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở. Ông T không cấp dưỡng nuôi con, do bà S không yêu cầu. Việc nuôi con không cố định

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, HĐXX không xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Slà nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà S, ông T có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với ông Lê Thanh T

+ Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Ngọc Tuyết Ph sinh ngày 10/10/2012

Ông Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không có yêu cầu.

Bà S phải tạo điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.Việc nuôi con không cố định.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008745 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thanh T có quyền kháng cáo trong hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang